

Số: 04/2016/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 29 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích
doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn
tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp;

Căn cứ Nghị Quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 210/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020

(Ban hành Kèm theo Quyết định số: 04 /2016 /QĐ-UBND, ngày 29 tháng 01 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này hướng dẫn về điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 03/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND).

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND;

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Hình thức thực hiện hỗ trợ

Doanh nghiệp được lựa chọn một trong hai hình thức hỗ trợ quy định theo Mục a, b Khoản 16, Điều 3 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì được thanh toán theo mức hỗ trợ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, cụ thể:

- Hình thức thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: Điều kiện là các nội dung hỗ trợ phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh ủy quyền) phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục công trình hoặc phê duyệt thiết kế tổng dự toán của cả dự án trước khi triển khai;

- Hình thức tự thực hiện: Doanh nghiệp tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định chung; tự phân chia hạng mục đầu tư, gói thầu; tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ (có thể thuê nhà thầu hoặc không thuê nhà thầu).

Điều 3. Cơ chế hỗ trợ đầu tư

Quy định tại Điểm 5.2 Khoản 5 Điều, 1 Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư (sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng) được giải ngân 100% mức kinh phí hỗ trợ;

- Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được coi như phần đối ứng của doanh nghiệp. Nhà nước bảo lãnh phần vốn này khi doanh nghiệp vay vốn đầu tư từ ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đó;

- Các dự án được hỗ trợ theo cơ chế quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ thì sẽ không được hỗ trợ theo quy định của Nghị định này.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN, LẬP KẾ HOẠCH

VÀ GIÁM SÁT HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư

1. Để được hỗ trợ doanh nghiệp cần nộp bộ hồ sơ như sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Quyết định chủ trương đầu tư dự án kèm theo báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án từ bắt hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư.

c) Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND, trong đó giải trình rõ lý do và cách tính các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, hồ sơ còn lại được

đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện) theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp vào bộ phận 01 cửa của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư.

Điều 5. Trình tự, thủ tục quyết định hỗ trợ đầu tư

Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ thực hiện theo Quy định tại Điều 5, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

1. Sau khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ và đảm bảo điều kiện Hồ sơ quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án và cơ quan chuyên ngành liên quan.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan nêu tại Khoản 1 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

3. Nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ đầu tư

a) Dự án thuộc đối tượng hỗ trợ đầu tư.

b) Dự án đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ đầu tư.

c) Rà soát các hồ trợ đầu tư doanh nghiệp đề nghị.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến và căn cứ khả năng cân đối ngân sách, lập báo cáo thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ. Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ đầu tư. Trường hợp từ chối một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

Nội dung Quyết định hỗ trợ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Nghiệm thu dự án hoàn thành

Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ thực hiện Quy định tại Điều 7 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể:

1. Hồ sơ nghiệm thu:

a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp.

b) Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán của dự án.

d) Hợp đồng mua bán (trường hợp mua bán hàng hóa).

đ) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu là hàng hóa nhập khẩu).

2. Doanh nghiệp nộp 03 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc) theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho cơ quan chủ trì nghiệm thu (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc cơ quan chủ trì nghiệm thu có trách nhiệm mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án và đại diện doanh nghiệp tiến hành kiểm tra và nghiệm thu dự án hoàn thành.

4. Nội dung nghiệm thu: Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu; xác nhận khối lượng hoàn thành; kiểm tra các điều kiện hỗ trợ cho dự án theo các quy định tại Nghị quyết 116/2015/NQ-HĐND và các quy định tại Quyết định này.

5. Cơ quan chủ trì nghiệm thu lập biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, có chữ ký của các đại diện tham gia nghiệm thu; mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản, doanh nghiệp được giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để giải ngân khoản hỗ trợ với Kho bạc nhà nước.

Điều 7. Thủ tục thanh toán hỗ trợ đầu tư

Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ thực hiện Quy định tại Điều 9 Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính, cụ thể:

1. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp;
- b) Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Biên bản nghiệm thu hoàn thành của dự án theo quy định.

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) đến Sở Tài chính. Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo dấu công văn đến), Sở Tài chính thẩm định hồ sơ và phối hợp với Kho bạc nhà nước thực hiện chi trả tiền hỗ trợ.

3. Sở Tài chính căn cứ dự toán ngân sách được phê duyệt, kiểm soát hồ sơ chứng từ của từng khoản chi, bảo đảm các điều kiện thanh toán chi trả ngân sách theo quy định; ra lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để chi trả cho doanh nghiệp.

Điều 8. Quyết toán các khoản hỗ trợ

1. Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Các khoản kinh phí còn dư (nếu có) phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước, trường hợp có nhu cầu sử dụng phải báo cáo Sở Tài chính xem xét xử lý theo quy định.

Điều 9. Xây dựng chương trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

1. Căn cứ nhu cầu đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, Ngành có liên quan lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh;

Trên cơ sở danh mục dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư chung của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và đưa vào chương trình hội nghị xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh. Đồng thời phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính và các cơ quan liên quan thống nhất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục các dự án dự kiến được tỉnh hỗ trợ đầu tư hàng năm và trung hạn trên cơ sở tổng hợp nhu cầu đầu tư do doanh nghiệp đề xuất.

2. Nguyên tắc xây dựng danh mục theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Dự án gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10-6-2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

b) Dự án có xây dựng vùng nguyên liệu, có liên kết sản xuất nguyên liệu với nông dân theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25-10-2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

c) Dự án sử dụng nhiều lao động và có nhiều tác động đến kinh tế xã hội của địa phương.

Nội dung Danh mục dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 10. Giám sát đầu tư và chế độ báo cáo

1. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, Ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND và công tác quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung được ưu đãi, hỗ trợ so với Quyết định hỗ trợ đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi các ưu đãi, hỗ trợ của nội dung thực hiện không đúng và nộp về ngân sách nhà nước hoặc chuyển hỗ trợ cho dự án khác đã có quyết định ưu đãi, hỗ trợ.

3. Khi doanh nghiệp hoàn thành đầu tư dự án, doanh nghiệp lập báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư dự án theo quy định của Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15-12-2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ngành, cơ quan đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn doanh nghiệp về điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư và tổ chức thẩm tra hỗ trợ các dự án theo đề nghị của doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ theo quy định.

b) Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy hoạch được duyệt.

c) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch và dự kiến phân bổ vốn hỗ trợ cho các dự án theo kế hoạch hàng năm và trung hạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra hỗ trợ các dự án và dự kiến phân bổ vốn hỗ trợ cho các dự án, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư.

b) Thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 về hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ.

c) Thực hiện theo dõi, kiểm tra việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra hỗ trợ các dự án.

4. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, gói thầu; nghiệm thu dự án hoàn thành.

5. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định này.

Điều 12. Quy định thực hiện

Quy định này áp dụng đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đủ điều kiện theo quy định và được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Quang

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số:04 /2016/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 116/2015 NGÀY 03 THÁNG 7 NĂM 2015 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1.000đ)	Ghi chú
1	Hệ thống điện			
a	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây..)	100KVA	100.000	
b	Hệ thống điện ngoài hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây..)	100KVA	110.000	
2	Hệ thống đường giao thông			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	1 m ²	1.000	Đường bê tông xi măng, bê tông Asphalt gồm cả hệ thống thoát nước, chống sạt lở.
b	Đường giao thông ngoài hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	1 m ²	1.100	
3	Nhà			
a	Nhà xưởng, nhà kho cao từ 5m trở lên	1 m ²	1.000	Nhà kiên cố, cấp 4 trở lên
b	Nhà xưởng, nhà kho, cao dưới 5 m	1 m ²	700	
4	Nước sạch			
a	Bể chứa	1 m ³	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch

b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 30mm)	1 m	100	Vật liệu nhựa, kim loại
c	Máy bơm	1 m ³ /giờ	500	
5 Xử lý nước thải				
a	Bể lắng, bể sục khí	1 m ³	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch
b	Hồ chứa nước	1 m ³	50	Có lát tấm bê tông xung quanh
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	1 m	100	Vật liệu nhựa, kim loại, bê tông
d	Máy bơm	1 m ³ /giờ	1.000	
6 Xây dựng đồng ruộng				
a	Khai hoang	1 ha	5.000	
b	Đường nội đồng	1 m ²	200	
c	Nhà kính, nhà lưới	1 m ²	50	
d	Tưới phun, tưới nhỏ giọt	1 m ²	30	
7 Thiết bị				
a	Nhập từ các nước phát triển	1 tấn	100.000	
b	Nhập từ nước khác	1 tấn	65.000	
c	Sản xuất tại Việt Nam	1 tấn	70.000	
8 Hệ thống đầu mối				Điều 4.4 Khoản 4 Điều 1 Nghị định 116/2015/NQ-HĐND ngày 03-7-2015
a	Cống	1 m	200	
b	Kè	1 m	500	
c	Đê bao	1 m	1.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

2. Lĩnh vực đầu tư:
3. Địa điểm thực hiện Dự án:
4. Mục tiêu và quy mô của dự án:
5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:
6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:
7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:
8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

.....;

9. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn (ha), dự kiến thu hoạch trong tháng, nguyên liệu dự trữ để chế biến (tháng) tổng số nguyên liệu đảm bảo tháng/năm.

10. Thời hạn hoạt động của nhà máy/cơ sở (nếu có): số giờ/ngày giờ; số ngày/năm ngày

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của hội đồng nhân dân tỉnh):

1. Công suất nhà máy.....; dự kiến số ngày hoạt động trong năm.....
2. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				
.....				

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

Doanh nghiệp căn cứ vào khoản hỗ trợ quy định tại Điều 1 Nghị định 116/NQ-HĐND ngày 03-7-2015 xem xét mức hỗ trợ, cụ thể: Mức hỗ trợ theo tỉ lệ phần trăm được quy đổi như sau: Tổng chi phí được hưởng hỗ trợ của dự án x tỉ lệ phần trăm được hưởng. Nếu mức hỗ trợ lớn hơn tỉ lệ phần trăm được hưởng hỗ trợ thì doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ bằng mức trần theo quy định.

Ví dụ: Doanh nghiệp có dự án cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

Mức hỗ trợ được quy định tại Mục a, Điểm 4.1, Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 03-7-2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

- Hỗ trợ 1.000.000.000 đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị.

- Mức hỗ trợ ngoài hàng rào dự án:

TT	Tên hạng mục đề nghị hỗ trợ	Tổng mức đầu tư hạng mục (Đồng)	Ghi chú
1	Cấp nước đến hàng rào dự án	3.000.000.000	
2	Cấp điện hàng rào đến dự án	1.500.000.000	
	Tổng mức chi phí xây dựng các hạng mục ngoài hàng rào dự án	4.500.000.000	

Theo quy định tại Mục a, Điểm 4.1, Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 03-7-2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định mức hỗ trợ thêm 70% chi phí xây dựng các hạng mục, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

Theo tính toán sẽ là $4.500.000.000đ \times 70\% = 3.150.000.000$ đồng. Mức hỗ trợ trên cao hơn định mức quy định. Do đó, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 1.000.000.000 đồng.

Tổng mức hưởng hỗ trợ của doanh nghiệp là 2.000.000.000 đồng.

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày ... tháng năm

Nơi nhận:

**Chức danh người đại diện Doanh nghiệp
(ký tên - đóng dấu)**

Hồ sơ kèm theo:

-
-

PHỤ LỤC III

*Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2016/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

QUYẾT ĐỊNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 116/2015/NQ-HĐND NGÀY 03 THÁNG 7 NĂM 2015 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư số... của Bộ Tài Chính; Thông tư số... của Bộ Nông nghiệp và PTNT...

Căn cứ Báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số, ngày tháng năm

Căn cứ...

Xét đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của (tên doanh nghiệp):

QUYẾT ĐỊNH

Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp)

Loại hình doanh nghiệp:

Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số do cấp ngày tháng năm

Điều 1. Có dự án đầu tư:

- Tên Dự án:

- Lĩnh vực đầu tư:

- Địa điểm thực hiện:

- Mục tiêu và quy mô của Dự án:
công suất nhà máy (theo dự án)

- Tổng số vốn đầu tư của Dự án:

- Diện tích đất dự kiến sử dụng:

- Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn... (ha), địa điểm xã huyện ..., dự kiến phát triển thêm ... ha; nguyên liệu đảm bảo nhà máy hoạt động ... tháng/năm (áp dụng đối với các dự án chế biến nông lâm thủy sản).

- Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:

- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

- Thời hạn hoạt động của Dự án:

Điều 2. Các khoản hỗ trợ:

1. Thời gian sản xuất nhà máy/cơ sở (nếu có) số giờ/ngày..... giờ; số ngày/năm..... ngày;

2. Các khoản hỗ trợ đầu tư: (Chỉ ghi các hỗ trợ Doanh nghiệp được hưởng)



TT	Nội dung	Số tiền hỗ trợ	Thời gian dự kiến hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				

4. Khoản hỗ trợ đồng này cho doanh nghiệp được Nhà nước bảo lãnh theo quy định tại Mục b, Điểm 5.2, Khoản 5, Điều 4 của Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Nhà đầu tư (tên doanh nghiệp), các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo Nghị quyết số 116/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh) được cấp cho doanh nghiệp 02 bản chính, các cơ quan liên quan mỗi cơ quan giữ 01 bản./.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04 /2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 20... - 20...

TT	Tên dự án	Quy mô/công suất	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Địa điểm	Tên doanh nghiệp thực hiện	Dự kiến vốn hỗ trợ (tr.đ)	Ghi chú

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH